

**CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định.

**CÔNG TY**

Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH Một thành viên (100% vốn Nhà nước) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100259564, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010. Thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR).

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Công ty có 17 Chi nhánh hoạt động độc lập, 5 Công ty liên kết, 2 Công ty đầu tư dài hạn.

Tên viết tắt: BIDIPHAR

Trụ sở chính: Số 498 Nguyễn Thái Học, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

<b>Hội đồng thành viên</b>	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Ủy viên
	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Ủy viên
	Bà Huỳnh Ngọc Bạch Phương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Doanh nghiệp Nhà nước đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày chuyển đổi sang Công ty Cổ phần gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Quá	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Tại ngày 01 tháng 03 năm 2014, Công ty đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01/03/2014. Báo cáo tài chính của Công ty thời kỳ Doanh nghiệp Nhà nước đến thời điểm 31/12/2013 được ký bởi Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định.

Ngoài sự kiện nêu trên, theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định,



**Nguyễn Văn Quá**  
**Tổng Giám đốc**

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Số: 346/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm 2013 của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

**Kính gửi: Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định, được lập ngày 31/3/2014, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Cổ phần Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Cổ phần Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục cần thiết để kiểm toán khoản mục công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 của Doanh nghiệp theo các yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.



**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014*

---

**Trần Thị Hương Quỳnh**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>515.425.673.922</b>	<b>463.528.045.138</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>83.164.032.926</b>	<b>43.053.050.401</b>
1. Tiền	111		83.164.032.926	43.053.050.401
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>535.469.382</b>	<b>436.105.250</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6.2	535.469.382	436.105.250
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>347.248.091.127</b>	<b>337.738.800.524</b>
1. Phải thu khách hàng	131		339.663.462.503	330.194.253.001
2. Trả trước cho người bán	132		3.659.457.376	2.395.088.894
5 Các khoản phải thu khác	135	6.3	4.413.065.943	5.149.458.629
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(487.894.695)	-
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>82.000.648.922</b>	<b>78.014.167.281</b>
1. Hàng tồn kho	141	6.4	82.000.648.922	78.014.167.281
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.477.431.565</b>	<b>4.285.921.682</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.5	1.452.826.777	951.387.599
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.6	241.413.345	396.772.805
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.7	783.191.443	2.937.761.278
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>273.016.279.640</b>	<b>270.419.478.161</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93.259.031.231</b>	<b>88.148.435.856</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.8	46.433.041.492	46.488.821.833
- Nguyên giá	222		75.913.572.673	71.430.830.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.480.531.181)	(24.942.008.571)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.9	37.517.556.465	37.136.053.346
- Nguyên giá	228		37.845.456.596	37.298.042.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(327.900.131)	(161.989.091)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.10	9.308.433.274	4.523.560.677
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>177.114.528.173</b>	<b>181.884.528.173</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.11	166.897.331.226	171.667.331.226
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.12	10.217.196.947	10.217.196.947
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.642.720.236</b>	<b>386.514.132</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.13	2.642.720.236	386.514.132
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>788.441.953.562</b>	<b>733.947.523.299</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>520.444.422.979</b>	<b>465.320.703.252</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>500.980.315.067</b>	<b>437.446.743.252</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.14	84.242.597.197	86.542.795.906
2. Phải trả người bán	312		304.910.795.731	257.724.208.306
3. Người mua trả tiền trước	313		3.104.865.374	5.639.743.911
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.15	20.879.504.631	15.884.607.812
5. Phải trả người lao động	315		50.274.892.156	38.557.082.021
6. Chi phí phải trả	316		2.141.319.770	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.16	11.786.363.819	6.785.921.538
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.639.976.389	26.312.383.758
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.464.107.912</b>	<b>27.873.960.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	6.17	353.000.000	353.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.18	8.439.485.000	18.871.000.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		10.671.622.912	8.649.960.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>267.997.530.583</b>	<b>268.626.820.047</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.19</b>	<b>267.997.530.583</b>	<b>268.626.820.047</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		49.780.068.291	49.780.068.291
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		115.257.651.131	115.257.651.131
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		63.518.761.562	63.518.761.562
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		578.436.291	480.900.613
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.471.644.624	23.471.644.624
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.137.629.675	15.137.629.675
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		253.339.009	980.164.151
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>788.441.953.562</b>	<b>733.947.523.299</b>

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập



Phạm Thị Thanh May

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quát



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.369.682.302.431	1.198.982.379.138
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		73.512.824.074	36.286.947.335
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.20	1.296.169.478.357	1.162.695.431.803
4. Giá vốn hàng bán	11	6.21	1.004.410.295.528	938.965.144.419
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>291.759.182.829</b>	<b>223.730.287.384</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.22	10.958.235.196	11.655.286.704
7. Chi phí tài chính	22	6.23	8.609.900.417	20.094.127.148
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.656.922.197</i>	<i>19.152.894.891</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.24	214.479.925.575	147.221.031.519
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.25	39.339.783.208	37.959.045.223
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>40.287.808.825</b>	<b>30.111.370.198</b>
11. Thu nhập khác	31	6.26	277.565.038	8.331.753.901
12. Chi phí khác	32	6.26	22.468.772	3.164.172.554
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>255.096.266</b>	<b>5.167.581.347</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>40.542.905.091</b>	<b>35.278.951.545</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.27	15.751.748.540	10.522.022.389
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>24.791.156.551</b>	<b>24.756.929.156</b>

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập



Phạm Thị Thanh May

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quá

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

TT	CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.133.235.724.432	1.061.014.939.266
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(711.781.335.569)	(507.824.636.996)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(73.112.621.445)	(80.484.951.273)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(2.721.150.918)	(14.855.321.806)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(9.863.191.508)	(10.165.853.348)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	45.408.901.754	49.453.625.905
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(183.868.030.388)	(150.040.622.039)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>197.298.296.358</b>	<b>347.097.179.709</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(957.978.546)	(1.805.547.364)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(600.000.000)	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.589.280.130)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.860.000.000	3.817.975.292
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	839.629.976	1.949.133.835
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.141.651.430</b>	<b>372.281.633</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	36.401.809.769	-
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.488.246.014	34.364.194.129
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(216.229.705.987)	(387.439.888.861)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(161.339.650.204)</b>	<b>(353.075.694.732)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>40.100.297.584</b>	<b>(5.606.233.390)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>43.053.050.401</b>	<b>48.616.189.909</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	10.684.941	43.093.882
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>83.164.032.926</b>	<b>43.053.050.401</b>

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Thanh May

Nguyễn Thị Mai Hoa

Nguyễn Văn Quá



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH Một thành viên (100% vốn Nhà nước) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100259564, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010. Thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR).

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Công ty có 17 Chi nhánh hoạt động độc lập, 5 Công ty liên kết, 2 Công ty đầu tư dài hạn.

Trụ sở của Công ty: Số 498 Nguyễn Thái Học, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Số lao động bình quân trong năm 2013: 791 người.

Các chi nhánh của Công ty:

- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Đà Nẵng.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Cần Thơ.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Hà Nội.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Nghệ An.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Dak Lak.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Quảng Trị.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Quảng Ngãi.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Khánh Hòa.
- + TT Cung ứng thuốc và mỹ phẩm Quy Nhơn - Chi nhánh Công ty Dược - Trang TBYT Bình Định
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: sản xuất dược phẩm, dược liệu; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: bán buôn dược phẩm, dược liệu, dụng cụ, vật tư ngành y tế; Bán lẻ thuốc dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm; Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc, dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc, cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng. Sản xuất muối iốt; Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế. Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế;



**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát; Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì, chi tiết: Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton; In ấn; Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh, chi tiết: Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc; Sửa chữa máy móc thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm; Sản xuất mua bán lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết trùng, hệ thống cung cấp oxi, nitơ phục vụ ngành y tế; Sản xuất mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất chế biến gỗ; Mua bán hàng nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ; Khai thác và chế biến khoáng sản./.

Trong năm 2013, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán dược phẩm, Vật tư y tế, Thành phẩm cơ điện...

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



**4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI*****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định***

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

***Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp***

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG*****Ước tính kế toán***

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

***Công cụ tài chính******Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2013</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	30 - 43
Máy móc và thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	04 - 08
Tài sản khác	03 - 04

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng, Quy Nhơn và Phần mềm kế toán. Quyền sử dụng đất có thời hạn trích khấu hao theo thời gian sử dụng, Phần mềm kế toán khấu hao theo đường thẳng với thời gian là 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.



**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ghi nhận Doanh thu**

**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

## Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	668.860.395	376.235.101
Tiền gửi ngân hàng	82.495.172.531	42.676.815.300
<b>Tổng</b>	<b>83.164.032.926</b>	<b>43.053.050.401</b>

## 6.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	534.076.082	434.711.950
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:	1.393.300	1.393.300
- Cổ phiếu ACB	1.254.000	1.254.000
- Cổ phiếu STB	139.300	139.300
<b>Tổng</b>	<b>535.469.382</b>	<b>436.105.250</b>

## 6.3 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa:	91.010.000	-
Phải thu khác:	4.322.055.943	5.149.458.629
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	976.705.702	754.576.833
- Phải thu chi phí cổ phần hóa Công ty CP	-	101.938.000
- Phải thu phân xưởng cơ điện	626.400.294	1.036.599.298
- Phải thu Thuế TNCN trong đơn vị	168.741.857	1.437.189.932
- Phải thu tiền cổ phần	1.227.052.733	-
- Phải thu khác	1.323.155.357	1.819.154.566
<b>Tổng</b>	<b>4.413.065.943</b>	<b>5.149.458.629</b>



**CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.4 HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ	192.883.846	95.204.365
Thành phẩm	3.207.729.572	3.570.140.184
Hàng hoá	54.640.651.228	53.438.122.073
Hàng gửi đi bán	23.959.384.276	20.910.700.659
<b>Tổng</b>	<b>82.000.648.922</b>	<b>78.014.167.281</b>

**6.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01 tháng 01	951.387.599	735.056.608
Tăng trong năm	3.134.135.849	2.550.690.473
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.632.696.671	2.334.359.482
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.452.826.777</b>	<b>951.387.599</b>
	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.452.826.777	951.387.599
<b>Tổng</b>	<b>1.452.826.777</b>	<b>951.387.599</b>

**6.6 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	241.413.345	396.772.805
<b>Tổng</b>	<b>241.413.345</b>	<b>396.772.805</b>

**6.7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	534.374.214	2.365.967.364
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	248.817.229	571.793.914
<b>Tổng</b>	<b>783.191.443</b>	<b>2.937.761.278</b>

**CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	49.990.954.808	6.429.527.658	11.279.159.363	3.731.188.575	71.430.830.404
Tăng trong năm	6.227.657.255	785.095.000	290.732.909	269.967.727	7.573.452.891
Mua trong năm	1.317.772.709	785.095.000	290.732.909	269.967.727	2.663.568.345
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.909.884.546	-	-	-	4.909.884.546
Giảm trong năm	53.446.885	315.125.194	143.150.000	2.578.988.543	3.090.710.622
Chuyển sang CCDC	53.446.885	315.125.194	143.150.000	2.527.988.543	3.039.710.622
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	51.000.000	51.000.000
Số dư tại 31/12/2013	56.165.165.178	6.899.497.464	11.426.742.272	1.422.167.759	75.913.572.673
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	14.920.302.677	3.709.375.344	4.716.519.357	1.595.811.193	24.942.008.571
Tăng trong năm	2.751.019.571	1.530.497.160	1.430.804.345	537.354.490	6.249.675.566
Khấu hao trong năm	2.751.019.571	1.530.497.160	1.430.804.345	537.354.490	6.249.675.566
Giảm trong năm	16.979.320	205.472.168	108.270.000	1.380.431.468	1.711.152.956
Chuyển sang CCDC	16.979.320	205.472.168	108.270.000	1.345.631.468	1.676.352.956
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	34.800.000	34.800.000
Số dư tại 31/12/2013	17.654.342.928	5.034.400.336	6.039.053.702	752.734.215	29.480.531.181
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2013	35.070.652.131	2.720.152.314	6.562.640.006	2.135.377.382	46.488.821.833
Tại 31/12/2013	38.510.822.250	1.865.097.128	5.387.688.570	669.433.544	46.433.041.492



**CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	37.136.053.346	161.989.091	37.298.042.437
Tăng trong năm	-	547.414.159	547.414.159
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	547.414.159	547.414.159
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>37.136.053.346</b>	<b>709.403.250</b>	<b>37.845.456.596</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	-	161.989.091	161.989.091
Tăng trong năm	165.911.040	-	165.911.040
Khấu hao trong năm	165.911.040	-	165.911.040
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>165.911.040</b>	<b>161.989.091</b>	<b>327.900.131</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2013	37.136.053.346	-	37.136.053.346
Tại 31/12/2013	36.970.142.306	547.414.159	37.517.556.465

**6.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	4.523.560.677	2.726.109.494
Tăng trong năm	10.242.171.302	4.254.116.350
Giảm trong năm	5.457.298.705	2.456.665.167
- Kết chuyển tài sản cố định	5.457.298.705	2.456.665.167
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>9.308.433.274</b>	<b>4.523.560.677</b>
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Mua nhà đất Chi nhánh Nghệ An	2.669.850.000	2.669.850.000
Dự án EPR	-	62.722.859
Nhà làm việc Bidiphar	4.840.601.819	35.000.000
Chi phí xây dựng Chi nhánh Đà Nẵng	42.461.818	42.461.818
Chi phí xây dựng Chi nhánh Quảng Trị	1.709.070.000	1.709.070.000
Chi phí xây dựng Chi nhánh Khánh Hòa	4.756.000	4.456.000
Văn phòng làm việc và nhà trưng bày sản phẩm	13.636.364	-
Chi phí xây dựng tổng kho Bidiphar	28.057.273	-
<b>Tổng</b>	<b>9.308.433.274</b>	<b>4.523.560.677</b>

**6.11 ĐẦU TƯ CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Muối	2.146.000.000	2.146.000.000
Công ty Cổ phần Bidiphar I	67.222.783.226	67.222.783.226
Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Định	4.660.500.000	4.660.500.000
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	92.868.048.000	92.868.048.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng	-	4.770.000.000
<b>Tổng</b>	<b>166.897.331.226</b>	<b>171.667.331.226</b>

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết như sau:

	<b>31/12/2013</b>		<b>01/01/2013</b>	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào Công ty Liên kết</b>	<b>11.704.085</b>	<b>166.897.331.226</b>	<b>12.154.085</b>	<b>171.667.331.226</b>
Công ty TNHH Muối	214.600	2.146.000.000	214.600	2.146.000.000
Công ty Cổ phần Bidiphar I	3.954.096	67.222.783.226	3.954.096	67.222.783.226
Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Định	390.000	4.660.500.000	390.000	4.660.500.000
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	7.145.389	92.868.048.000	7.145.389	92.868.048.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng	-	-	450.000	4.770.000.000

**6.12 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	9.411.526.035	9.411.526.035
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Nghệ An	805.670.912	805.670.912
<b>Tổng</b>	<b>10.217.196.947</b>	<b>10.217.196.947</b>

Thông tin chi tiết: về Các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	<b>31/12/2013</b>		<b>01/01/2013</b>	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>473.570</b>	<b>10.217.196.947</b>	<b>473.570</b>	<b>10.217.196.947</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	405.000	9.411.526.035	405.000	9.411.526.035
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Nghệ An	68.570	805.670.912	68.570	805.670.912



**6.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	386.514.132	778.384.694
Tăng trong năm	2.919.814.344	922.900.005
Phân bổ vào chi phí trong năm	663.608.240	1.314.770.567
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>2.642.720.236</b>	<b>386.514.132</b>
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	218.010.699	53.299.696
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.998.809.537	298.314.436
Giá trị lợi thế kinh doanh	34.900.000	34.900.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	391.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>2.642.720.236</b>	<b>386.514.132</b>

**6.14 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay ngân hàng:</b>	<b>32.044.894.085</b>	<b>44.105.509.931</b>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương</i>	-	12.998.740.729
<i>- Chi nhánh Bình Định</i>		
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	3.535.827.450	10.693.698.160
<i>- Chi nhánh Bình Định</i>		
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương</i>	-	7.915.071.042
<i>- Chi nhánh Bình Định</i>		
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	28.509.066.635	12.498.000.000
<i>- Chi nhánh Bình Định</i>		
<b>Vay cá nhân</b>	<b>52.197.703.112</b>	<b>42.437.285.975</b>
<b>Tổng</b>	<b>84.242.597.197</b>	<b>86.542.795.906</b>

**6.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	275.076.277	2.265.573.634
Thuế xuất, nhập khẩu	-	60.005.169
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.546.162.252	8.657.605.220
Thuế thu nhập cá nhân	6.058.266.102	4.901.423.789
<b>Tổng</b>	<b>20.879.504.631</b>	<b>15.884.607.812</b>

6.16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	3.858.948.609	3.689.751.636
Bảo hiểm xã hội	343.706.800	309.653.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.583.708.410	2.786.516.802
<b>Tổng</b>	<b>11.786.363.819</b>	<b>6.785.921.538</b>

6.17 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ký cược dài hạn các Quỹ Chi nhánh huyện	353.000.000	353.000.000
<b>Tổng</b>	<b>353.000.000</b>	<b>353.000.000</b>

6.18 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Bình Định	8.439.485.000	18.871.000.000
<b>Tổng</b>	<b>8.439.485.000</b>	<b>18.871.000.000</b>



**CÔNG TY DUỆC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	49.944.964.509	109.136.383.679	-	874.417.320	23.471.644.624	12.688.486.760	-	-
<b>Tăng trong năm</b>	955.670.550	6.121.267.452	63.518.761.562	480.900.613	-	2.449.142.915	24.756.929.155	980.164.151
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	24.756.929.155	-
Trích lập các quỹ	-	6.121.267.452	-	-	-	2.449.142.915	-	-
Đánh giá lại	-	-	63.518.761.562	-	-	-	-	-
Tăng khác	955.670.550	-	-	480.900.613	-	-	-	980.164.151
<b>Giảm trong năm</b>	1.120.566.768	-	-	874.417.320	-	-	24.756.929.155	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	24.491.429.155	-
Giảm khác	1.120.566.768	-	-	874.417.320	-	-	265.500.000	-
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	49.780.068.291	115.257.651.131	63.518.761.562	480.900.613	23.471.644.624	15.137.629.675	-	980.164.151
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	49.780.068.291	115.257.651.131	63.518.761.562	480.900.613	23.471.644.624	15.137.629.675	-	980.164.151
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	97.535.678	-	-	24.791.156.551	253.339.009
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	24.791.156.551	-
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	253.339.009
Đánh giá CLTG	-	-	-	97.535.678	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-	24.791.156.551	980.164.151
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	24.791.156.551	-
Giảm quỹ	-	-	-	-	-	-	-	980.164.151
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	49.780.068.291	115.257.651.131	63.518.761.562	578.436.291	23.471.644.624	15.137.629.675	-	253.339.009

**CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.20 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán Dược phẩm	1.159.505.883.161	1.030.929.288.430
Doanh thu bán Vật tư y tế, Thành phẩm cơ điện	66.996.782.149	49.272.876.469
Doanh thu Nguyên liệu, Bao bì, CCDC	138.571.698.403	113.927.037.501
Doanh thu khác	4.607.938.718	4.853.176.738
<b>Tổng</b>	<b>1.369.682.302.431</b>	<b>1.198.982.379.138</b>
<b>Các khoản giảm trừ Doanh thu</b>	<b>73.512.824.074</b>	<b>36.286.947.335</b>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>68.340.646.522</i>	<i>32.289.758.417</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>5.172.177.552</i>	<i>3.997.188.918</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.296.169.478.357</b>	<b>1.162.695.431.803</b>

**6.21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán Dược phẩm	811.132.089.318	784.750.187.383
Giá vốn bán Vật tư y tế, Thành phẩm cơ điện	59.970.816.844	42.929.643.020
Giá vốn Nguyên liệu, Bao bì, CCDC	131.243.734.195	107.792.178.671
Giá vốn khác	2.063.655.171	3.493.135.345
<b>Tổng</b>	<b>1.004.410.295.528</b>	<b>938.965.144.419</b>

**6.22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.198.785.257	508.835.611
Lãi đầu tư trái phiếu	-	30.150.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	9.449.760.000	10.349.012.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	194.843.159	661.115.449
Nhận chiết khấu thanh toán	11.951.000	105.985.720
Doanh thu hoạt động tài chính khác	102.895.780	187.924
<b>Tổng</b>	<b>10.958.235.196</b>	<b>11.655.286.704</b>

**6.23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	6.656.922.197	19.152.894.891
Chiết khấu thanh toán	1.267.148.019	82.175.543
Phí bán chứng khoán	-	1.610.192.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	629.724.758	635.094.776
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(163.146.943)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(1.224.224.800)
Chi phí tài chính khác	56.105.443	1.141.161
<b>Tổng</b>	<b>8.609.900.417</b>	<b>20.094.127.148</b>



**CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.24 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	84.340.916.050	74.842.388.510
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	3.618.341.776	4.931.164.239
Chi phí khấu hao	3.383.660.457	3.198.116.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.539.961.470	57.182.564.082
Chi phí khác bằng tiền	35.597.045.822	7.066.797.755
<b>Tổng</b>	<b>214.479.925.575</b>	<b>147.221.031.519</b>

**6.25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.095.841.859	12.393.006.486
Chi phí vật liệu quản lý	341.275.285	1.804.374.562
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.914.644.135	1.672.868.493
Chi phí khấu hao	3.031.926.149	3.591.569.491
Thuế, phí, lệ phí	2.425.826.216	1.807.723.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.860.467.374	7.387.521.097
Chi phí khác bằng tiền	4.669.802.190	9.301.981.784
<b>Tổng</b>	<b>39.339.783.208</b>	<b>37.959.045.223</b>

**6.26 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	1.909.090	7.169.450.225
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	472.517.018
Thu nhập khác	275.655.948	689.786.658
<b>Tổng</b>	<b>277.565.038</b>	<b>8.331.753.901</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Thanh lý tài sản	-	3.114.096.283
Chi phí khác	22.468.772	50.076.271
<b>Tổng</b>	<b>22.468.772</b>	<b>3.164.172.554</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>255.096.266</b>	<b>5.167.581.347</b>

6.27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	40.542.905.091	35.278.951.545
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản thu nhập không chịu thuế	7.881.639.084	7.336.247.347
Các khoản chi phí không được trừ	30.345.728.153	14.145.385.359
Thu nhập chịu thuế	63.006.994.160	42.088.089.557
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.751.748.540	10.522.022.389
<b>Tổng</b>	<b>15.751.748.540</b>	<b>10.522.022.389</b>

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	Mua hàng	168.380.267.276	101.670.354.719
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Mua hàng	86.080.845.793	101.928.798.892
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	Bán hàng	225.593.115	988.231.420

Giao dịch các bên liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	Mua thành phẩm thuốc	461.720.641.243	350.625.310.382
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Mua thành phẩm thuốc	317.021.492.792	344.169.235.707
Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Giao dịch khác	102.853.239	109.644.729.521
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	Xuất nguyên liệu, bao bì	114.747.085.456	8.046.854.098



**7.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.164.032.926	43.053.050.401
Phải thu khách hàng và phải thu khác	344.076.528.446	335.343.711.630
Đầu tư ngắn hạn	535.469.382	436.105.250
Đầu tư dài hạn	10.217.196.947	10.217.196.947
<b>Tổng</b>	<b>437.993.227.701</b>	<b>389.050.064.228</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	92.682.082.197	105.413.795.906
Phải trả người bán và phải trả khác	316.697.159.550	264.510.129.844
Chi phí phải trả	2.141.319.770	-
<b>Tổng</b>	<b>411.520.561.517</b>	<b>369.923.925.750</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

7.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết: các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	84.242.597.197	8.439.485.000	92.682.082.197
Phải trả người bán và phải trả khác	4.202.655.409	312.494.504.141	316.697.159.550
Chi phí phải trả	2.141.319.770	-	2.141.319.770
Công nợ khác	61.058.709.860	34.326.844.942	95.385.554.802
<b>01/01/2013</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	86.542.795.906	18.871.000.000	105.413.795.906
Phải trả người bán và phải trả khác	3.999.404.736	260.510.725.108	264.510.129.844
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ khác	74.259.262.161	34.664.599.301	108.923.861.462

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**7.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Bảng sau đây trình bày chi tiết: mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.164.032.926	-	83.164.032.926
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.413.065.943	339.663.462.503	344.076.528.446
Đầu tư ngắn hạn	535.469.382	-	535.469.382
Đầu tư dài hạn	-	177.114.528.173	177.114.528.173
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.053.050.401	-	43.053.050.401
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.149.458.629	330.194.253.001	335.343.711.630
Đầu tư ngắn hạn	436.105.250	-	436.105.250
Đầu tư dài hạn	-	181.884.528.173	181.884.528.173

**7.3 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được kiểm toán. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thanh May

Nguyễn Thị Mai Hoa

Nguyễn Văn Quá